

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----***-----

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ

INVESTMENT COOPERATION CONTRACT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH13, dated November 14, 2025;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Pursuant to the Enterprise Law No. 59/2020/QH14, dated June 17, 2020;

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 ;

Pursuant to Investment Law No. 61/2020/QH14, dated June 17, 2020;

- Theo nguyện vọng của các bên trong hợp đồng này,

According to the wishes of the parties in this contract,

Nay, thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng tại ngày, tháng năm với nội dung như sau:

Hereby, the parties agree to sign the contract at on the dated....., with the following content:

1. Bên A/Party A

.....

Địa chỉ/Address :

Giấy đăng ký kinh doanh/Enterprise Registration Certificate:.....

Điện thoại/Tel No.

.....

2. Bên B/Party B :

.....

Sinh ngày/Date of birth : Quốc tịch/Nationality:

Hộ chiếu/Passport

.....

Địa chỉ/Address :

Điện thoại/Tel. No. :

XÉT RẰNG: Các Bên mong muốn thành lập một Công ty.....hoạt động tại Việt Nam và có trụ sở tại..... theo quy định của pháp luật về pháp luật doanh nghiệp, pháp luật đầu tư.

WHEREAS: *The parties wish to establish a ... company operating in Vietnam with its headquarters at ... in accordance with the regulations of corporate law and investment law.*

Vì vậy, các Bên nhất trí ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh theo những điều khoản sau:

Therefore, the parties agree to enter into a business cooperation contract with the following terms:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

ARTICLE 1. DEFINITION

Các thuật ngữ sử dụng trong Hợp đồng này sẽ có nghĩa như sau:

The terms used in this Contract will have the following meanings:

1.1 Dự án đầu tư là/ **Investment Project** is.....;

1.2 Công ty nghĩa là một doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam với loại hình Công ty(ghi loại hình Công ty) do các Bên thành lập theo quy định của Hợp đồng này để cùng thực hiện dự án đầu tư;

Company refers to a business operating in Vietnam in the form of a (specify the type of Company) established by the Parties in accordance with this Contract to jointly carry out the investment project.

1.3 Một Bên có nghĩa là Bên A hoặc Bên B, Bên C và Bên D.....;

A Party refers to Party A or Party B, Party C, and Party D.....;

1.4 Các Bên có nghĩa là Bên A, Bên B;

The Parties refer to Party A and Party B.

1.5 Thành viên sáng lập nghĩa là các bên tham gia thành lập Công ty;

Founding members refer to the parties involved in establishing the Company.

1.6 Điều lệ nghĩa là bản Điều lệ của Công ty;

Charter refers to the Company's Charter.

1.7 Hợp đồng nghĩa là Hợp đồng hợp tác đầu tư này giữa Bên A, Bên B;

Contract refers to this investment cooperation contract between Party A and Party B.

1.8 Luật hiện hành nghĩa là các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành trong các lĩnh vực có liên quan đến thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty; liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Các Bên trong toàn bộ quá

trình thực hiện thực hiện Hợp đồng này và trong toàn bộ thời gian tồn tại của Công ty;

Current law refers to the existing regulations of Vietnamese law in fields related to the establishment, organization, and operation of the Company; related to the rights and obligations of the Parties throughout the entire implementation of this Contract and during the entire existence of the Company.

1.9 Ngày thành lập nghĩa là ngày mà cơ quan chức năng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Công ty;

Establishment date refers to the date on which the competent Vietnamese authority issues the Certificate of Business Registration to the Company.

1.10 Thành viên nghĩa là tất cả những người làm việc, hợp tác, tham gia xây dựng và phát triển Công ty;

Member refers to all individuals who work, collaborate, and participate in building and developing the Company.

1.11 Vốn đầu tư nghĩa là phần vốn góp của các Bên để thành lập Công ty;

Investment capital refers to the contributions made by the Parties to establish the Company.

1.12 Vốn Điều lệ là vốn của các bên đăng ký trong Điều lệ công ty;

Charter capital is the capital registered by the parties in the company's charter.

1.13 Lãi ròng là lợi nhuận Công ty giữ lại sau khi đã thanh toán hết các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, trích lập các quỹ, chi phí khác của Công ty trên cơ sở quy chế tài chính của Công ty.

Net profit is the profit retained by the Company after fulfilling all financial obligations to the State, allocating funds, and covering other expenses of the Company based on the Company's financial regulations.

ĐIỀU 2. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ CỦA CÔNG TY DỰ KIẾN THÀNH LẬP ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

ARTICLE 2: NAME AND ADDRESS OF THE COMPANY TO BE ESTABLISHED FOR THE INVESTMENT PROJECT

2.1 Tên tiếng Việt của Công ty được thành lập theo Hợp đồng này là:

Công ty.....

The Vietnamese name of the company established under this contract is:

.....Company.

2.2 Tên giao dịch của Công ty được thành lập theo Hợp đồng này là:

.....

The trade name of the company established under this contract is:

2.3 Địa chỉ đăng ký hoạt động của Công ty: Công ty đóng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

The registered address of the company: The company is located in Da Nang City.

ĐIỀU 3. PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

ARTICLE 3. SCOPE OF INVESTMENT PROJECT OPERATIONS

3.1. Hai bên sẽ đăng ký thành lập Công ty để thực hiện dự án đầu tư với những ngành nghề sau đây mà không giới hạn phạm vi lãnh thổ:

The parties will register the establishment of the company to carry out the investment project with the following business activities, without geographic limitations:

ST No.	Tên ngành, nghề đăng ký kinh doanh <i>Name of the business lines</i>	Mã ngành <i>Main code</i>
1		
2		
3		
4		

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể mở rộng thêm lĩnh vực ngành nghề và thực hiện việc thay đổi đó theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

During its operations, the company may expand its business activities and make such changes in accordance with Vietnamese law.

3.2. Công ty có thể tham gia hợp tác dưới mọi hình thức với các tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài khác nhằm đạt được những mục tiêu kinh doanh phù hợp với Luật hiện hành.

The company may engage in cooperation in any form with other Vietnamese or foreign organizations to achieve business objectives in accordance with applicable law.

ĐIỀU 4. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ARTICLE 4: DURATION OF COMPANY OPERATIONS

4.1. Thời hạn hoạt động của Công ty kể từ ngày được đăng ký hoạt động đến khi các bên thỏa thuận chấm dứt hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

The duration of the company's operations shall be from the date of registration until the parties agree to terminate or until termination according to the legal regulations.

4.2. Các thủ tục xin phép gia hạn hoạt động được Công ty thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

The procedures for requesting an extension of operations shall be carried out by the company in accordance with current legal regulations.

ĐIỀU 5. VỐN ĐẦU TƯ CỦA VÀ VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY
ARTICLE 5: INVESTMENT CAPITAL AND CHARTER CAPITAL OF THE COMPANY

5.1. Vốn đầu tư của các bên để thành lập Công ty là VNĐ (..... đồng).

The investment capital of the parties for establishing the company is VND (..... dong).

5.2. Các bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận và xác định giá trị sản phẩm công nghệ mà Bên có là:

The parties jointly agree and determine the value of the technology product owned by Party as follows:

- Tên sản phẩm công nghệ/*The name of the technology product:*
- Giá trị tính đến ngày/*Value as of the date of* :VNĐ (..... đồng/*VND*).
- Trong đó phân chia cho các thành viên với tỷ lệ như sau:

Which is distributed among the members at the following ratios:

TT No.	Các bên <i>The Parties</i>	Tên tài sản (sản phẩm công nghệ) <i>Asset name (Technology product)</i>	Giá trị tài sản (VNĐ) <i>Asset value</i>
1	Bên A/ <i>Party A</i>		
2	Bên B/ <i>Party B</i>		
Tổng cộng/ <i>Total:</i>			

5.3. Tỷ lệ góp vốn đầu tư thành lập Công ty được xác định như sau:

The capital contribution ratio for establishing the company is determined as follows:

TT No.	Các bên <i>The Parties</i>	Tên tài sản (sản phẩm công nghệ) <i>Asset name (Technology product)</i>	Giá trị tài sản <i>(Asset value)</i>	Tỷ lệ vốn góp <i>(Capital contribution ratio)</i>	Hình thức góp vốn <i>(Form of capital contribution)</i>
1	Bên A <i>Party A</i>				Tài sản/ <i>Asset</i>
2	Bên B <i>Party B</i>				Tài sản/ <i>Asset</i>
					Tiền mặt/ <i>Cash</i>
					Tiền mặt/ <i>Cash</i>

ĐIỀU 6. THỜI HẠN GÓP VỐN

ARTICLE 6: CAPITAL CONTRIBUTION PERIOD

6.1. Việc góp đầu tư của Bên B để thực hiện dự án sẽ được thực hiện chậm nhất là sau ngày kể từ ngày ký hợp đồng này. Mỗi Bên sẽ chịu trách nhiệm riêng bằng chính phần vốn góp của mình và trách nhiệm với tư cách thành viên theo quy định của pháp luật.

Party B's capital contribution for the project shall be made no later than days from the date of signing this contract. Each party will be individually responsible for their respective capital contribution and their responsibilities as a member according to legal regulations.

6.2. Trong trường hợp một Bên không thể thực hiện được nghĩa vụ nêu trên, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày góp vốn đã định, Bên đó phải thông báo cho các Bên kia biết lý do không thể thực hiện và biện pháp đã và đang được thực hiện để khắc phục vi phạm đó. Trong mọi trường hợp, các Bên phải thiện chí đàm phán để tìm ra giải pháp thích hợp cho tình huống đó.

In the event that a party is unable to fulfill the above obligation, within 7 working days from the scheduled capital contribution date, that party must notify the other parties of the reasons for the inability to perform and the measures that have been or are being taken to remedy the breach. In all cases, the parties must negotiate in good faith to find an appropriate solution for the situation.

ĐIỀU 7. TĂNG VỐN

ARTICLE 7: CAPITAL INCREASE

Vốn Điều lệ của Công ty khi thực hiện dự án có thể được tăng bằng cách tái đầu tư lợi nhuận thu được của Công ty hoặc góp vốn bổ sung hoặc kết nạp thành viên mới theo những điều kiện và quy định của Luật Hiện hành.

The company's charter capital for the project may be increased through the reinvestment of the company's profits, additional capital contributions, or the admission of new members, in accordance with the conditions and regulations of the applicable law.

ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

ARTICLE 8: CAPITAL TRANSFER

Các bên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:

The parties have the right to transfer all or part of their equity to others under the following provisions:

8.1. Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện;

The equity must be offered to the remaining members of the company in proportion to their respective capital contributions, on the same terms.

8.2. Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày chào bán.

Transfer is only allowed to a non-member if the remaining members of the company do not purchase or do not fully purchase within thirty days from the date of the offer.

Các trường hợp khác thực hiện theo Luật hiện hành.

Other cases shall be governed by applicable law.

ĐIỀU 9. CÁC KHOẢN VAY CỦA CÔNG TY KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

ARTICLE 9: COMPANY LOANS FOR INVESTMENT PROJECTS

9.1. Ngoài Vốn như quy định tại Điều 5 tại Hợp đồng này, bất kỳ nhu cầu nào về tài chính sau này của Công ty sẽ được thực hiện bằng cách vay từ các ngân hàng và/hoặc những nguồn vay khác phù hợp với các quy định của pháp luật Việt

Nam và trong khuôn khổ cho phép của Giấy đăng ký hoạt động cũng như phải tuân theo các điều kiện, điều khoản được các Bên nhất trí.

In addition to the capital specified in Article 5 of this contract, any future financial needs of the company will be met by borrowing from banks and/or other sources of financing in accordance with Vietnamese law and within the scope permitted by the registration certificate, and must comply with the conditions and terms agreed upon by the parties.

9.2. Khoản vốn vay sẽ do các Bên quyết định căn cứ trên nhu cầu tài chính của Công ty, sau khi có một luận chứng khả thi.

The loan amount will be determined by the parties based on the company's financial needs, following a feasibility study.

9.3. Các Hợp đồng vay sẽ đứng tên Công ty và Công ty sẽ chịu và hoàn trả tất cả các chi phí liên quan đến khoản vay theo các điều kiện, điều khoản đã được các bên phê chuẩn.

The loan agreements will be in the company's name, and the company will bear and repay all costs related to the loan according to the conditions and terms approved by the parties.

ĐIỀU 10. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLE 10: RESPONSIBILITIES OF EACH PARTY

10.1. Các Bên cam kết hoàn thành mọi nghĩa vụ của mình đã được quy định trong Hợp đồng này, Điều lệ và quy định của Luật hiện hành.

The parties commit to fulfilling all their obligations as specified in this contract, the company's charter, and in accordance with applicable laws.

10.2. Các Bên phải hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong việc xin các Cơ quan Việt Nam có thẩm quyền cấp Giấy đăng ký kinh doanh và sự chấp thuận cần thiết khác cho việc thành lập và hoạt động của Công ty.

The parties must cooperate and support each other in obtaining the necessary business registration certificate and other approvals from the competent Vietnamese authorities for the establishment and operation of the company.

10.3. Công ty sẽ chịu mọi khoản chi phí và phí tổn phát sinh từ trách nhiệm nêu trên của các Bên, với điều kiện được các bên nhất trí.

The company will bear all costs and expenses arising from the parties' above responsibilities, provided that such costs are agreed upon by the parties.

10.4. Các Bên sẽ luôn tâm huyết, luôn cố gắng hết sức để xây dựng, cống hiến, phát triển Công ty.

The parties will always be committed and make every effort to build, contribute to, and develop the company.

ĐIỀU 11. PHÂN CHIA LÃI LỖ

ARTICLE 11: DISTRIBUTION OF PROFITS AND LOSSES

Tất cả các khoản lãi và lỗ của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm của các Bên, sẽ được chia cho Các Bên tương ứng với tỷ lệ Vốn đầu tư mà các Bên đóng góp vào Công ty. Việc phân chia lãi lỗ ghi trong Điều lệ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều này.

All profits and losses of the company, within the scope of the parties' responsibilities, will be shared among the parties in proportion to their respective capital contributions to the company. The distribution of profits and losses stated in the company's charter will be carried out in accordance with the provisions of this Article.

ĐIỀU 12. QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

ARTICLE 12: MANAGEMENT AND OPERATION

Việc quản lý và điều hành Công ty được thực hiện bởi các bên theo sự thỏa thuận về tổ chức bộ máy, tổ chức hoạt động của Công ty theo Quy định cụ thể tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Công ty và theo Luật hiện hành.

The management and operation of the company shall be carried out by the parties based on the agreed organizational structure and operations of the company, as specified in the company's charter, operational regulations, and applicable law.

ĐIỀU 13. CÁC CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ARTICLE 13: FINANCIAL AND ACCOUNTING POLICIES

Các quy định về chính sách lao động, tiền lương; quy định về mở tài khoản ngân hàng; quy định về chế độ tài chính, kế toán và các chính sách cụ thể khác sẽ được thể hiện rõ trong Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty.

The regulations on labor policies, wages, bank account opening, financial and accounting systems, and other specific policies will be clearly outlined in the company's charter and internal regulations.

ĐIỀU 14. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

ARTICLE 14: TERMINATION OF THE BUSINESS COOPERATION CONTRACT

Hợp đồng này sẽ bị chấm dứt trong những trường hợp sau:

This contract will be terminated in the following cases:

- Hết thời hạn của Công ty theo quy định trong Giấy đăng ký hoạt động, kể cả thời gian gia hạn;

Upon expiration of the company's duration as specified in the registration certificate, including any extension period;

- Giấy đăng ký hoạt động bị thu hồi hay hủy bỏ;

The registration certificate is revoked or canceled;

- Các Bên cùng đồng ý chấm dứt hoạt động của Công ty;

The parties agree to terminate the company's operations;

d. Công ty hoạt động thua lỗ và rơi vào tình trạng phá sản;

The company operates at a loss and falls into a state of bankruptcy;

e. Một sự kiện Bất khả kháng xảy ra và kéo dài 09 tháng khiến cho Công ty không thể tiếp tục hoạt động bình thường.

An event of force majeure occurs and lasts for 9 months, making it impossible for the company to continue normal operations.

ĐIỀU 15. THANH LÝ

ARTICLE 15: TERMINATION

Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh, một Ban thanh lý do các Bên chỉ định sẽ tiến hành các thủ tục thanh lý phù hợp với quy định của Luật Hiện hành và Điều lệ Công ty.

In the event of termination of the business cooperation contract, a liquidation committee appointed by the Parties will carry out the liquidation procedures in accordance with the provisions of the applicable law and the company's charter.

ĐIỀU 16. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 16: DISPUTE SETTLEMENT

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.

ĐIỀU 17. THÔNG BÁO

ARTICLE 17. NOTIFICATION

17.1. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

Any notice, request, information, changes in responsibilities, obligations, and rights under the agreed terms, or claims arising in connection with this Contract must be made in writing in Vietnamese and sent to the addresses specified at the beginning of this Contract or any subsequent address changes as notified by the Parties.

17.2. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn

cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

Unless otherwise agreed, all notifications shall be sent by postal mail or delivered in person. If postal delivery is not feasible for any reason, the notifying Party shall inform the other Party and send the notification via fax or email. In urgent cases, both Parties may agree to notify each other directly by telephone.

17.3. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

Both Parties agree that notifications, requests, information, and claims shall be deemed received if sent to the correct address, to the correct recipient's name, using the agreed method of notification as outlined in Clause 1.2 above, and within the specified timeframe as follows:

a. Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;

For hand-delivery: the date of sending with the signature of the recipient;

b. Khi gửi qua bưu điện: sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;

For postal mail: within 2 (two) working days from the date of postmark;

c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được được tín hiệu chuyên fax thành công;

For fax: at the time when the receiving party successfully receives the fax transmission signal;

d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch... nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

In these cases, if the corresponding date falls on a Sunday or a public holiday in Vietnam, the notifications, requests, claims, or transaction letters mentioned above shall be deemed received on the next working day.

17.4. Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo... Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

Both Parties must notify each other in writing if there is a request to change the address, method, recipient's name for notifications... If a Party makes changes without notifying the other Party, the notifying Party is not responsible if the changed Party does not receive the notification documents.

ĐIỀU 18. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE 18: OTHER PROVISIONS

18.1. Mọi vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Công ty mà không được quy định trong Hợp đồng này hoặc Điều lệ sẽ được các Bên giải quyết dựa trên những quy định tương ứng của Luật Hiện hành và Giấy đăng ký hoạt động.

Any other issues related to the company's operations not specified in this contract or the charter shall be resolved by the parties based on the relevant provisions of applicable law and the registration certificate.

18.2. Hợp đồng này là toàn bộ các thỏa thuận của Các Bên và thay thế mọi thỏa thuận và ghi nhận trước đây giữa Các Bên.

This contract constitutes the entire agreement between the parties and replaces all prior agreements and records between the parties.

18.3. Mọi sửa đổi của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được Các Bên nhất trí bằng văn bản.

Any amendments to this contract shall be effective only when agreed upon by the parties in writing.

ĐIỀU 19. HIỆU LỰC

ARTICLE 19. VALIDITY

19.1. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực và ràng buộc Các Bên kể từ ngày ký.

This contract will be effective and binding on the parties from the date of signing.

19.2. Trong trường hợp có sự khác biệt và/hoặc mâu thuẫn về giữa các quy định của Hợp đồng này và các quy định của Điều lệ thì các quy định của Hợp đồng này sẽ được áp dụng.

In case of any discrepancies and/or conflicts between the provisions of this contract and the provisions of the charter, the provisions of this contract shall prevail.

19.3. Hợp đồng này được ký vào ngày tháng ... năm, tại được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bản gồm có 06 trang, mỗi bên giữ 01 bản.

This contract is signed on the dated....., at, and is made in 02 copies of equal value, each consisting of 06 pages, with each party retaining 01 copy.

CÁC THỎA THUẬN KHÁC (Nếu có)

OTHER AGREEMENTS (If any)

.....

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

REPRESENTATIVE OF PARTY A

Position
(Signature and seal)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ
(Ký tên, đóng dấu)

REPRESENTATIVE OF PARTY B

Position
(Signature and seal)

--	--	--